TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2024/DS-ST
Ngày 29-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Ông Trần Văn Giang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Bảo Tr là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2022/TLST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2024/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Q (Trần Thị H), sinh năm 1954.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Văn K, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 14/11/2022

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Q: Ông Nguyễn Ngọc Đ – Là luật sư của Chi nhánh Văn phòng luật sư Nguyễn Văn M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Ông Hồng Việt Tr, sinh năm 1968 (có mặt)

2. Bà Võ Thị L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Hoài H, sinh năm 1968 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2022, đơn thay đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 16/01/2023 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn K trình bày:

Bà Trần Thị Q (Trần Thị H) có 01 phần đất diện tích 53.360 m^2 tại ấp Tân Quảng B, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân) cấp giấy chứng nH quyền sử dụng đất vào ngày 16/01/1998. Ngày 04/4/2005 âm lịch, bà Trần Thị Q, ông Trần Văn Q1 (Trần Hồng Q1), đã chết năm 2017 là con bà Q có thỏa thuận chuyển nhượng phần đất có diện tích 12.699 m^2 trong phần đất trên cho ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L, giá chuyển nhượng là 155 chỉ vàng 24k theo tờ sang nhượng đất ngày 04/4/2005 âm lịch. Thỏa thuận thanh lý hợp đồng 02 lần, lần thứ nhất: vào ngày 04/4/2005 âm lịch, ông Tr, bà L trả cho bà Q 75 chỉ vàng 24k, đồng thời bà Q giao đất cho ông Tr, bà L. Hai bên đã thực hiện xong, nguyên đơn đã giao đất cho bị đơn, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 75 chỉ vàng 24k, lần thứ 2 không thỏa thuận thời gian cụ thể mà thỏa thuận khi nào bà Q chuyển tên và tách quyền sử dụng đất cho ông Tr, bà L thì ông Tr, bà L giao trả đủ cho bà Q 80 chỉ vàng 24k còn lại. Khi chuyển nhượng phần đất thì bà Q đã thế chấp toàn bộ phần đất để vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Tân để vay số tiền 55.000.000 đồng vào năm 2003.

Tuy nhiên, sau đó bà Q và ông Tr, bà L thỏa thuận lại là ông Tr, bà L sẽ trả hết tiền nợ gốc 55.000.000 đồng và tiền lãi cho ngân hàng thay bà Q, vì ông Tr và bà L không có vàng để trả, nhưng ông Tr, bà L vẫn không thực hiện đúng thỏa thuận trả hết nợ gốc và lãi cho ngân hàng nên không thể xóa thế chấp phần đất để chuyển quyền sử dụng đất cho ông Tr bà L, đến năm 2012 bà Q mới trả hết nợ tại ngân hàng. Do đó, ông yêu cầu ông Tr và bà L phải thực hiện theo thỏa thuận ban đầu là trả hết 80 chỉ vàng 24k còn lại, đối với số tiền ông Tr và bà L đã đưa bà Q để trả nợ ngân hàng sẽ được quy đổi bằng vàng theo giá vàng 24k (vàng 98%) bán ra theo công văn số 01/2024-HKHCM ngày 20/5/2024 của Hội mỹ nghệ Kim Hoàn tỉnh Cà Mau, cụ thể là ngày 26/5/2005 ông Tr có trả 10.000.000 đồng tính bằng vàng 24k giá 802.000 đồng/01 chỉ vàng 24k tương đương 12 chỉ 04 phân 07 ly vàng 24k (làm tròn). Ông Tr đưa tiền cho bà Q đóng

lãi cho ngân hàng là 10.014.600 đồng vào ngày 21/9/2005 tính bằng vàng 24k giá 838.000 đồng/01 chỉ vàng 24k tương đương 11 chỉ 09 phân 05 ly vàng 24k, tổng cộng là 24 chỉ 04 phân 02 ly vàng 24k.

Tại phiên tòa, ông K xác định ông Hồng Việt Tr có đưa cho bà Trần Thị Q số tiền 60.000.000 đồng để trả nợ cho ngân hàng vào ngày 30/8/2010 theo chứng từ giao dịch ngân hàng mà ông Tr đang giữ, tính bằng vàng 24k giá 3.290.000 đồng/01 chỉ vàng 24k tương đương 18 chỉ 02 phân 04 ly vàng 24k. Như vậy, tổng số tiền ông Tr và bà L đã trả là 80.014.600 đồng bằng 42 chỉ 06 phân 06 ly vàng 24k, đối trừ 80 chỉ vàng 24k còn nợ thì ông Tr và bà L còn nợ bà Q 37 chỉ 03 phân 04 ly vàng 24k.

Nay nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Q và ông Hồng Việt Tr, bà Võ Thị L theo tờ sang nhượng đất lập ngày 04 tháng 4 năm 2005 âm lịch, phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 12.297,6 m^2 tại ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Buộc ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L trả cho nguyên đơn số vàng còn nợ là 37 chỉ 03 phân 04 ly vàng 24k.

Ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Ông thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông Võ Văn K, yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Q và ông Hồng Việt Tr, bà Võ Thị L theo tờ sang nhượng đất lập ngày 04 tháng 4 năm 2005 âm lịch, phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 12.297,6 m^2 tại ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Buộc ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L trả cho nguyên đơn số vàng còn nợ là 37 chỉ 03 phân 04 ly vàng 24k.

Ông Hồng Việt Tr trình bày: Ông thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông Võ Văn K về việc ông có thỏa thuận nhận chuyển nhượng phần đất của bà Trần Thị Q, diện tích 12.699 m^2 tại ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau với giá 155 chỉ vàng 24k theo tờ sang nhượng đất lập ngày 04/4/2005 âm lịch, tờ sang nhượng đất lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Theo tờ sang nhượng đất thì ông Trần Văn Q1 (Trần Hồng Q1) là con bà Q ký tên, ông Q1 cũng ký và viết tên thay cho bà Q. Tuy nhiên, sau khi thực hiện xong thỏa thuận đợt 1 là ông đã trả cho bà Q 75 chỉ vàng 24k, bà Q cũng giao đất cho ông sử dụng thì ông và bà Q thỏa thuận lại là đợt 2 ông không trả số vàng còn lại là 80 chỉ vàng 24k cho bà Q, mà ông sẽ trả hết tiền mà bà Q còn nợ ngân hàng tại thời điểm năm 2005 là 55.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Tân xem như trừ ngang 80 chỉ vàng 24k, bà Q sẽ làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất sang cho ông. Việc thỏa thuận lại như trên chỉ bằng lời nói không làm văn bản. Thực hiện theo thỏa thuận trên, ông đưa cho bà Q 10.000.000 đồng để trả số tiền nợ gốc 55.000.000 đồng tại ngân hàng, còn lại ông tiếp tục đóng lãi và trả số tiền nợ

gốc là 45.000.000 đồng, việc đưa số tiền 10.000.000 đồng cho bà Q ông có làm biên nhận nhưng là do con bà Q là ông Trần Văn Q1 (Trần Hồng Q1) ký tên dùm bà Q. Ngày 21/9/2005, ông tiếp tục đưa 10.014.600 đồng cho bà Q trả lãi ngân hàng, sau đó bà Q đưa ông giữ lại phiếu thu ngày 21/9/2005 của ngân hàng xem như biên nhận trả tiền, ông đã nộp phiếu thu tiền cho Tòa án. Đến ngày 30/8/2010 ông tiếp tục đưa cho bà Q 60.000.000 đồng và cùng bà Q đến ngân hàng để trả vốn và lãi, bà Q vào ngân hàng nộp tiền, sau đó bà Q đưa ông giữ lại chứng từ giao dịch ngày 30/8/2010 thể hiện có trả số tiền vốn 60.000.000 đồng, như vậy tổng cộng 03 lần ông đã trả cho bà Q là 80.014.600 đồng tính đến ngày 30/8/2010.

Nay ông yêu cầu tính số tiền ông đã trả cho bà Q 03 lần là 80.014.600 đồng, quy đổi ra số vàng tương ứng theo từng thời điểm, ông thống nhất tính giá vàng 24kara (vàng 98%) theo giá bán ra, theo công văn số 01/2024-HKHCM ngày 20/5/2024 của Hội mỹ nghệ Kim Hoàn tỉnh Cà Mau tương đương 42 chỉ 06 phân 06 ly vàng 24, đối trừ 80 chỉ vàng 24k còn nợ, số vàng còn lại ông đồng ý trả cho nguyên đơn là 37 chỉ 03 phân 04 ly vàng 24k, nhưng ông yêu cầu tính vàng bằng giá vàng năm 2010 quy đổi thành tiền để trả cho nguyên đơn, vì giá vàng hiện tại quá cao so với năm 2010. Hiện phần đất trên ông đã cho ông Nguyễn Hoài H thuê lại, thời gian thuê từ năm 2022 đến năm 2025, giá thuê mỗi năm là 20.000.000 đồng và trả tiền thuê hàng năm, việc thuê đất chỉ nói miệng không lập văn bản. Nay đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông, bà L và ông H thì hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/12/2022 bà Võ Thị L trình bày: Bà thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông Tr tại biên bản hòa giải ngày 27/12/2022. Bà và ông Tr đồng ý trả tiền vốn nợ ngân hàng của bà Q là 45.000.000 đồng và lãi suất theo ngân hàng mà bà Q vay từ năm 2005 đến năm 2010, đối trừ số tiền 80.000.000 đồng ông đã đưa cho bà Q theo thỏa thuận. Đồng thời bà Q phải tách Quyền sử dụng đất cho ông Tr và bà.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 05/5/2023, ông Nguyễn Hoài H trình bày: Khoảng tháng 4 năm 2022, ông có thuê phần đất của ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L, phần đất hiện đang tranh chấp với bà Trần Thị Q, thời gian thuê đất là 03 năm từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 4 năm 2025, giá thuê mỗi năm là 20.000.000 đồng, trả tiền thuê hàng năm, khi thuê chỉ thỏa thuận miệng, không làm văn bản. Đối với việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tr, bà L và bà Q thì ông không biết, nếu khi giải quyết có thiệt hại xảy ra thì ông tự thỏa thuận thanh lý hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với ông Tr, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/4/2005 âm lịch giữa bà Trần Thị Q và ông Hồng Việt Tr về việc bà Trần Thị Q chuyển nhượng cho ông Hồng Việt Tr quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế 12.297,6m^2 tọa lạc tại ấp Tân Quảng B, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.Buộc ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L phải trả cho bà Trần Thị Q 37 chỉ 03 phân 04 ly vàng 24k. Ông Tr, bà L phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Q (Trần Thị H) khởi kiện ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L yêu cầu công nhận giao dịch hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và buộc ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L trả số vàng còn nợ từ việc nhận chuyển nhượng đất nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Võ Thị L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, ông Nguyễn Hoài H có yêu cầu vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Xét thấy, phần đất bà Trần Thị Q chuyển nhượng cho ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L nằm trong tổng diện tích 53.360 m^2 tại ấp Tân Quảng B, xã Việt Khái, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K 826763 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp ngày 16/01/1998 cho bà Trần Thị H (Trần Thị Q). Do đó bà Trần Thị Q là chủ sử dụng hợp pháp nên bà Q có quyền chuyển nhượng cho ông Tr và bà L là đúng quy định. Thời điểm chuyển nhượng bà Q đã thế chấp toàn bộ phần đất để vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Tân, hiện tại bà Q đã trả hết nợ vay và xóa thế chấp đối với phần đất nên đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có

vi phạm về hình thức là không được công chứng hoặc chứng thực tại Cơ quan có thẩm quyền, tuy nhiên phần đất đã giao cho bị đơn quản lý sử dụng từ năm 2005 đến nay, nay nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất và yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên có căn cứ công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Q và ông Hồng Việt Tr, bà Võ Thị L đối với phần đất theo đo đạc thực tế 12.297,6m^2 tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

[2.2] Đối với việc tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả giá trị (vàng) chuyển nhượng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giá trị hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 155 chỉ vàng 24k, thống nhất số vàng ông Tr và bà L đã trả là 42 chỉ 06 phân 06 ly còn nợ lại 37 chỉ 03 phân 04 ly vàng 24k, ông Tr đồng ý tiếp tục trả số vàng còn nợ nên có căn cứ buộc ông Tr và bà L có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn số vàng còn nợ theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 37 chỉ 03 phân 04 ly vàng 24k là có căn cứ.

Ông Tr yêu cầu số vàng còn nợ phải được tính theo giá vàng năm 2010 quy đổi bằng tiền để ông trả cho bà Q là không phù hợp vì thỏa thuận thanh toán hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên là vàng 24k, việc quy đổi vàng thành tiền theo giá vàng năm 2010 sẽ gây thiệt hại cho nguyên đơn vì không tương xứng với giá trị đất hiện tại. Do đó, căn cứ theo thỏa thuận tại tờ sang nhượng đất ngày 04/4/2005 âm lịch buộc ông Tr, bà L phải thanh toán số vàng còn lại cho bà Q mà không quy đổi thành tiền theo giá vàng năm 2010 là phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên, xét ý kiến trình bày của bà Võ Thị L là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4] Ông Nguyễn Hoài H đang thuê phần đất của ông Tr, bà L canh tác, nay ông H và ông Tr, bà L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả 37 chỉ 03 phân 04 ly vàng 24k. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc phần đất tranh chấp là 13.755.880 đồng, bà Trần Thị Q đã thanh toán xong cho cơ quan đo đạc là Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc A, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn toàn bộ chi phí đo đạc là 13.755.880 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 105 và 107 của Luật đất đai năm 2003.

Áp dụng các điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q (Trần Thị H). Công nhận giao dịch hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo tờ sang nhượng đất lập ngày 04/4/2005 âm lịch giữa bà Trần Thị Q và ông Hồng Việt Tr, bà Võ Thị L đối với phần đất theo đo đạc thực tế 12.297,6m^2 tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Q (Trần Thị H) 37 chỉ 03 phân 04 ly vàng 24k.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L có nghĩa vụ trả toàn bộ chi phí đo đạc là 13.755.880 đồng cho bà Trần Thị Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Hồng Việt Tr và bà Võ Thị L phải chịu 14.189.200 đồng (giá vàng tính án phí là 7.600.000 đồng/01 chỉ vàng 24k).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CCTHADS huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Vẹn